

MỘT VÀI KINH NGHIỆM CỦA NHẬT BẢN VÀ CON ĐƯỜNG HIỆN ĐẠI HÓA CỦA VIỆT NAM

Võ Văn Sen

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Công cuộc hiện đại hoá nước Nhật từ Minh Trị Duy Tân trở đi đã được thực hiện thành công và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các nước đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá như nước ta. Bài nghiên cứu này đã phân tích ba kinh nghiệm lớn : thiết lập mô hình văn minh mới kết hợp “ Đông- Tây”, xây dựng một nhà nước mạnh, ngang tầm thời đại trong đó đảm bảo những người tài giỏi nhất phải thực sự là hạt nhân quản lý nhà nước; chủ động tiến công với một “phương án tác chiến” để giành thắng lợi, chú ý đến giáo dục và khoa học công nghệ.

Một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa ở nước ta ngày nay là giải quyết vấn đề kết hợp giữa hiện đại và truyền thống, tiếp thu cái gì từ mô hình bên ngoài và giữ lại cái gì từ truyền thống dân tộc như là tiền đề cho sự phát triển hiện tại. Quá trình thực hiện hiện đại hóa thành công theo mô hình riêng của Nhật Bản đã đặt ra nhiều kinh nghiệm quý báu có giá trị phổ biến, nhất là đối với nước ta, một nước có nhiều tương đồng với Nhật Bản. Đó là những kinh nghiệm khá toàn diện, từ những vấn đề chiến lược đến những nội dung, bước đi, biện pháp cụ thể trong từng lĩnh vực khác nhau.

1. THIẾT LẬP MÔ HÌNH VĂN MINH MỚI, KẾT HỢP HÀI HÒA “ĐÔNG – TÂY”

Đối đầu với sự xâm lược và “thực dân hóa”(“colonialization”) của chủ nghĩa tư bản phương Tây và làn sóng “Tây hóa” (“Westernization”), ở các nước Á châu, hầu hết các quốc gia đều thất bại, bị biến thành thuộc địa, ở đó quá trình Tây phương hóa diễn ra đồng thời và trong những điều kiện của “thực dân hóa” như Việt Nam, Trung Quốc chẳng hạn. Chỉ có Nhật Bản là trường hợp hiếm hoi đã chẳng những thoát khỏi ách thực dân mà còn chủ động “Giải Tây hóa” (“De-Westernization”) một cách thông minh nhất để tiến lên con đường hiện đại hóa thành công.

Điểm khác biệt căn bản của nhiều nước Á châu với Nhật bản là cách đánh giá về văn minh Phương Tây. Trung Quốc và Việt Nam đều không nhận thức rõ rằng điểm mạnh của văn minh phương Tây

không chỉ là vũ khí, kỹ thuật, mà còn là khá toàn diện bao hàm cả về văn hóa-văn minh tinh thần; không nhận ra rằng con đường đúng đắn nhất là phải kết hợp những ưu điểm của cả Đông và Tây, chứ không phải là “gió đông thổi bạt gió tây”. Con đường cứu nước chủ yếu ở Việt Nam và Trung Hoa vẫn là khuynh hướng bạo động truyền thống, khuynh hướng “phi truyền thống”: duy tân, cải cách không phải là dòng chủ lưu. Nhật Bản, do nhiều lý do khác nhau, đã sớm nhận ra cách hóa giải “Tây hóa” bằng cách phải học tập, tiếp cận toàn diện văn minh phương Tây, không chỉ về vật chất-kỹ thuật mà cả tư tưởng, tinh thần. Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dụ Cát) là đại biểu điển hình cho Nhật Bản về dòng chủ lưu này trong cuộc Minh Trị duy tân. Với hai tác phẩm tiêu biểu là Khái lược văn minh (Bunmeiron no gairyaku) và Khuyến học luận (Gakumon no susume), Fukuzawa đã khẳng định: “Phương cách giữ gìn độc lập không thể tìm đâu ngoài văn minh...Độc lập quốc gia là mục tiêu và nền văn minh của quốc dân là phương tiện để đạt mục tiêu đó”(1). Ông ta cũng cho rằng cái khó khăn nhất khi học tập phương Tây chính là học cho được “tinh thần khoa học” và “tinh thần độc lập cá nhân”. Người Nhật đã hiểu và xây dựng mô hình văn minh mới của Nhật trên cơ sở kết hợp hài hòa Đông-Tây:bắt chước,học

tập phương Tây một cách triệt để và sáng tạo trên những cơ sở văn hóa truyền thống của mình. (Dĩ nhiên cũng có lúc và trong nhiều vấn đề cụ thể, Nhật Bản cũng có những lệch lạc nhất định mà tiêu biểu là khuynh hướng “Thoát Á” đã từng tồn tại trong một thời gian nhất định trong quá trình duy tân đất nước (2)).

Đúng như một giáo sư Nhật, Yumesao đã nhận định : “Hiện đại hóa của Nhật Bản đã phát triển dựa trên các truyền thống của riêng nó, trong môi trường lịch sử riêng của nó. Nhật Bản không vay mượn mô hình hiện đại hóa của Âu châu”(3). Từ sau phái đoàn khảo sát phương Tây dài 22 tháng của 48 nhân vật cao cấp do Minh Trị cử đi để đánh giá chính xác phương Tây một cách toàn diện, các nhà duy tân của Nhật đã đẩy mạnh quá trình học tập phương Tây mà công việc quan trọng hàng đầu là truyền bá những kiến thức khoa học xã hội và nhân văn phương Tây thông qua nhiều hoạt động, đặc biệt là phong trào dịch thuật đã dịch gần như tất cả những tác phẩm ưu tú nhất của phương Tây sang tiếng Nhật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về đời sống tinh thần của người Nhật, làm cơ sở cho việc canh tân đất nước.

Chỉ tính đến năm 1890, trên 20 năm sau khi Minh Trị canh tân, đã có tới 633 đầu sách của phương Tây đã được dịch ra tiếng Nhật, nhiều nhất là sách của Anh(227

cuốn), của Pháp (184 cuốn) và Mỹ (94 cuốn). Riêng số sách văn học, chủ yếu là văn học Anh, Mỹ được dịch và xuất bản đến năm 1887 là 120 cuốn(4). Các dịch giả này thường là những học giả có trình độ cao và đã từng học tập ở các nước phương Tây nên những công trình của họ có chất lượng cao. Nhà tư tưởng Fukuzawa cũng là một trong những dịch giả lớn. Hàng loạt khái niệm, từ vựng mới vốn không hề có trong Hán tự (Kanji) đã xuất hiện qua các dịch phẩm của các dịch giả Nhật, như “democracy” đã được dịch là “minshu”(dân chủ), “philosophy” là “tetsugaku”(“triết học”), “speech” là “enzetsu”(diễn thuyết), ... Có thể nói chỉ trong một thời gian ngắn, hầu hết những trước tác hàng đầu của phương Tây đã được dịch, từ lãnh vực kinh tế, luật pháp đến triết học, chính trị, tư tưởng,..., tiêu biểu như Tinh thần luật pháp (De l'esprit des lois) của Montesquieu, Khế ước xã hội (Du Contrat social) của Rousseau, Tự trợ luận (Self-Help) của Samuel Smiles, Tự do luận (On Liberty) của J.S.Mill,... Chính những tư tưởng phương Tây này đã tạo ra những cơ sở văn hóa tinh thần mới, kết hợp hài hòa với truyền thống và văn hóa Nhật Bản.

Vấn đề nan giải đối với nhiều dân tộc trên thế giới trước làn sóng “Tây hóa” là giữ lại cái gì trong truyền thống và tiếp

nhận cái gì từ văn hóa-văn minh phương Tây. Quá trình “tiếp biến văn hóa” này đã được người Nhật giải quyết rất tốt, từ nhiều vấn đề cụ thể khác trong phong tục, tập quán, lối sống,... đến mô hình chung văn hóa-văn minh. Phần lớn người Nhật hiện nay (trên 60%) vẫn ở trong những căn nhà dân tộc của họ và nếu có ở trong những căn nhà kiểu phương Tây thì bao quanh họ cũng vẫn phần lớn là những đồ vật dân tộc của họ. Từ thành thị đến nông thôn, từ khung cảnh nơi làm việc đến phố phường, cửa hàng, nơi giải trí,... không nơi đâu không thể hiện rõ nét sự kết hợp văn hóa Đông - Tây. Về khía cạnh này có thể nói người Nhật vừa cực kỳ bảo thủ, vừa cực kỳ cách tân. Họ vừa cố giữ gìn hầu như tất cả những “vốn liếng” văn hóa còn có tác dụng, vừa thay đổi rất triệt để theo văn hóa phương Tây những gì mà họ cho là tốt đẹp, có lợi cho công cuộc hiện đại hóa nước Nhật. Chúng ta thường nghe nói đến một mô hình rất độc đáo của chủ nghĩa tư bản Nhật, nào là “chủ nghĩa tư bản Không giáo”, “chủ nghĩa tư bản mô hình Nhật Bản” (“kinh tế thị trường kiểu định hướng hành chính”, “chủ nghĩa tư bản pháp nhân”, “xã hội công ty”(5)...), v.v. Theo Ezra Vogel, tác giả của tác phẩm khá nổi tiếng Bốn con rồng nhỏ (Four Little Dragons), bốn nước công nghiệp mới NICs đã biết vận dụng từ Nho giáo những yếu tố

cốt lõi là : chế độ tương lệ (meritocracy), chủ nghĩa tập thể và óc tự cải tiến (self-improvement), tạo nền tảng tư tưởng, luân lý cho sự phát triển của họ . Rõ ràng rằng từ giữa thế kỷ 19, người Nhật đã biết làm điều đó, biết giữ lại những hạt nhân hợp lý của văn hóa “Không giáo có tính dân tộc chủ nghĩa đáng chú ý” (Max Weber) của họ. Dĩ nhiên di sản văn hóa truyền thống mà người Nhật giữ lại không chỉ là Nho giáo mà còn là Phật giáo Thiền (Zen Buddhism) (6). Từ nếp sống hàng ngày, trà đạo, Hiệp khí đạo (Aikido), triết lý quản lý kinh tế,... đến thơ ca, tính cách và tâm hồn Nhật, đâu đâu chúng ta cũng thấy sự hiện diện và chi phối của triết lý Thiền (7)! “Cần phải nhận thấy rằng sự ham học hỏi của người Nhật vốn có khuynh hướng thực tiễn rõ rệt, có thể nói là có khuynh hướng thực dụng. Khi người kỹ sư Nhật cầm trong tay một sản phẩm mà ông ta chưa hề biết, ông ta cố “nắm bắt” sản phẩm ấy trong sự thống nhất giữa hình thức và nội dung. Tính ham học hỏi của người Nhật được quyết định bởi tính cụ thể trong cách tư duy chủ yếu do đạo Phật luyện nên.”(8)

Tôi rất đồng ý với giáo sư Vĩnh Sính, một trong những nhà nghiên cứu văn hóa, lịch sử Nhật Bản nổi tiếng, khi ông cho rằng : “...ngay chính cả cụ Phan Bội Châu hay những người tham gia phong trào Đông Du cũng không mấy ai nói ra cụ thể

là chúng ta cần tham khảo và tiếp thu những kinh nghiệm gì từ công cuộc canh tân nước Nhật, bởi vậy nội dung của Minh Trị Duy Tân rốt cuộc nói chung vẫn là cái gì trừu tượng đối với người Việt chúng ta”(9). Từ giữa thế kỷ XIX, Nguyễn Trường Tộ của Việt Nam, ngang tầm với Ito Hirobumi (Y –đăng bác văn) của Nhật Bản và đi trước Khang- Lương của Trung Quốc 1/3 thế kỷ, đã nhận xét: “ Lại xem Nhật Bản xưa vốn là lũ người lùn, từ trung điệp nhà Minh mới bắt đầu giao hảo với Hà Lan, làm bạn với Bồ Đào Nha kể đến mời Hợp Chúng Quốc giúp vào việc nước, mở mắt nhìn rộng rãi thiên hạ mới có chí hướng lớn như vậy... Còn như ngày nay nước ấy có những kế hoạch giao thiệp rộng rãi, những mưu cơ tân tiến thì đâu đâu người ta cũng đã nghe thấy rõ ràng, gương ấy không xa, không cần phải nêu ra nữa”(10). Còn sau khi độc lập dân tộc đã mất, đầu thế kỷ XX các nhà Duy Tân của Việt nam mà tiêu biểu là Phan Chu Trinh và những lãnh tụ của Đông Kinh Nghĩa Thục tuy chưa nhìn thấy một cách toàn diện như Nhật Bản, nhưng đã biết đặt vấn đề phải học tập phương Tây. Hàng loạt sách báo phổ biến những cái hay của văn hóa-văn minh phương Tây đã xuất hiện như Văn minh tân học sách, Luân lý giáo khoa thư, Đăng cổ tùng báo(1907), Đại Việt tân báo (1905),...Chính Phan Chu

Trinh đã từng dịch tác phẩm Kajin no kiju của Tokai Sanshi dưới tựa đề “Giai nhân kỳ ngộ diễn ca” dài gấp hai lần Truyện Kiều(11).

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa của Việt Nam hôm nay, chúng ta cần nhận thức rõ ràng vai trò của văn hóa – văn minh đối với sự phát triển. Chủ nghĩa Mác Lênin, một tinh hoa của văn hóa-văn minh phương Tây đã được truyền bá vào Việt Nam, kết hợp với tinh hoa văn hóa phương Đông mà chủ yếu nhất là tinh hoa văn hóa truyền thống Việt nam đã tạo nên tư tưởng Hồ Chí Minh, dẫn tới những thắng lợi kỳ diệu của Cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Phải nhìn thấy rằng đây là một điển hình của việc kết hợp Đông – Tây ở Việt Nam. Theo hướng đó, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng mô hình văn hóa-văn minh Việt Nam. Cả thế kỷ sống dưới ách thực dân, nhiều giá trị văn hóa của dân tộc đã bị mai một đi nhiều. Bước vào hiện đại hóa, ta còn thiếu cả giá trị văn hóa hiện đại và truyền thống. Ta đã vô tình hay hữu ý bỏ đi nhiều điều không nên bỏ, học lấy nhiều điều không nên học; nhiều điều cần dứt khoát từ bỏ thì vẫn tồn tại, nhiều điều cần học thì chưa học đến nơi đến chốn. Trong vấn đề này con đường hiện đại hóa của Nhật Bản có thể cho ta rất nhiều kinh nghiệm bổ ích. Thành công lớn

của ta trong thế kỷ XX chỉ là vấn đề giành độc lập dân tộc, thoát khỏi ách chủ nghĩa thực dân, còn sự nghiệp đổi mới chỉ mới đi những bước đầu trên con đường hiện đại hóa, rất nhiều thử thách đang chờ. Nền văn hóa-văn minh Việt Nam mới còn đang cần ra sức xây dựng thật toàn diện. Đảng ta đã tiếp cận vấn đề dưới góc độ văn hóa và phát triển: “Việc tạo ra môi trường văn hóa của chủ nghĩa xã hội, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, thấm nhuần tính dân tộc, nhân văn là trách nhiệm to lớn của toàn Đảng và toàn dân ta”(12). “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội”(13).

2. XÂY DỰNG MỘT NHÀ NƯỚC VỮNG MẠNH, NGANG TẦM THỜI ĐẠI, TRONG ĐÓ ĐẢM BẢO NHỮNG NGƯỜI TÀI GIỎI NHẤT PHẢI THỰC SỰ LÀ HẠT NHÂN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC.

Sau khi Hoàng đế Komei qua đời (1866), Meiji (Minh Trị) lên ngôi lúc mới 16 tuổi và chỉ hai năm sau (1868), ông ta đã bắt đầu một cuộc “cách mạng” vĩ đại trong lịch sử Nhật : công cuộc Minh Trị Duy Tân. Để làm việc đó thành công, Minh Trị phải bắt đầu bằng việc xây dựng một Nhà nước trung ương tập quyền, dân

tộc, hiện đại, thống nhất, đủ sức canh tân đất nước, trong đó “giới ưu tú cầm quyền” (“governing elites”) phải thực sự là những hạt nhân quản lý nhà nước. Minh Trị đã xóa bỏ chế độ đẳng cấp, nền tảng của chế độ phong kiến, giới samurai không còn chủ để phục vụ và họ sẽ trở thành những cán bộ mới của nhà nước Nhật hiện đại. Bài học của Nhật Bản là vận dụng những công cụ cụ thể của nhà nước Tây phương hiện đại mà không làm biến dạng tinh thần Nhật Bản (14). Minh Trị xóa bỏ chính phủ quân sự của các lãnh chúa, chấm dứt tình trạng hai chính quyền tồn tại, chế độ quân chủ lập hiến mà quyền lực của Hoàng đế có nhiều hạn chế, không tuyệt đối, tạo điều kiện cho giai cấp tư sản Nhật phát triển mạnh, thực hiện sự thỏa hiệp giữa giai cấp tư sản và Hoàng đế bằng hình thức đại nghị theo kiểu Anh. Theo Shiba Ryotaro, một nhà tư tưởng lớn của Nhật Bản, trong cuộc Duy Tân, Minh Trị đã thực sự tạo ra được một “nhà nước dân tộc” (“kokumin kokka”, “nation-state”) với sự ủng hộ của toàn dân. (Dĩ nhiên nhiều hình thức dân chủ nhất định của thời Minh Trị sau này đã bị chủ nghĩa quân phiệt xóa sạch trong những năm 1930 (15)).

Kinh nghiệm hàng đầu trong xây dựng một bộ máy nhà nước hiệu lực của Nhật Bản từ Minh Trị cho đến nay là phải tuyển chọn, đào tạo được một lực lượng công

chức cao cấp tài giỏi nhất. Minh Trị đã tạo ra một hệ thống thi tuyển công chức cao cấp (Kobun) hết sức ngặt nghèo (bắt đầu từ năm 1880), dựa vào năng lực là chính, qua nhiều cấp thi tuyển, từ mọi tầng lớp xã hội khác nhau. Nội dung thi tuyển được thay đổi nhiều lần, nhưng quan trọng nhất vẫn là kiến thức về luật pháp, kinh tế, chính trị. Các trường đại học quốc gia có vai trò hết sức quan trọng trong chế độ thi tuyển này, đặc biệt là Đại học Tokyo (Tokyo Daigaku). Trong thập niên 1950, có đến 80% quan chức cao cấp từ cấp vụ, cục trở lên trong chính quyền trung ương là tốt nghiệp từ Đại học Tokyo. Trong hai thập niên 1960, 1970 tỷ lệ này vẫn chiếm từ 70% - 80% (16), đặc biệt là Khoa Luật của Đại học Tokyo. Nơi đây chính là “lò” cung cấp những quan chức cao cấp cho chính quyền Nhật từ thời Minh Trị tới nay. Chính sách sử dụng sau khi thi Kobun cũng được tính toán chu đáo: số người trúng tuyển trong các kỳ thi hàng năm thường được tuyển vào bộ máy nhà nước, chỉ trừ những người bị loại ở các kỳ thi tuyển của Bộ mà họ muốn làm việc. Theo Hiến pháp Minh Trị, việc bổ nhiệm công chức cao cấp (“bầy tôi trung thành”) là đặc quyền của Hoàng Đế và họ chính là biểu tượng cho uy quyền tuyệt đối của Hoàng Đế trong quan hệ với nhân dân. Trước chiến tranh thế giới thứ II, công chức nhà nước là

những người có địa vị xã hội cao và được chia thành ba thứ bậc khác nhau: Chokunin (quan chức được Hoàng Đế bổ nhiệm); Sonin (quan chức được Hoàng Đế chấp thuận cho bổ nhiệm); Hannin (quan chức không quan trọng)(17). Trong lịch sử hiện đại Nhật Bản có 1/3 trong số hơn 40 thủ tướng đã được tuyển chọn từ hàng ngũ quan chức cao cấp (18).

Bài học ở đây là người tài giỏi nắm được quyền lực là phúc lớn cho nhân dân, còn người bất tài ở trên ngôi càng cao tai họa càng lớn; phải có một bộ máy nhà nước với tầng lớp “governing elites” thật sự tài giỏi.

Mãi đến năm 1945 với thắng lợi to lớn của Cách mạng tháng Tám, “nhà nước quốc dân” (kokumin kokka) của Việt Nam mới ra đời. Đó là nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước “của dân, do dân và vì dân”, có khả năng đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt nam. Bước vào sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa hiện nay, vấn đề hàng đầu là phải nhanh chóng hoàn thiện nhà nước, đặc biệt là xây dựng đội ngũ công chức, nhất là những cán bộ công chức cao cấp. Hiện nay, Đảng và nhà nước ta đang tiến hành cuộc cải cách hành chính, đấu tranh xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch vững mạnh: tiến hành đổi mới thể chế và thủ tục hành chính, kiện

toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước, nâng cao phẩm chất năng lực của đội ngũ cán bộ công chức, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng quan liêu (19). Tham khảo kinh nghiệm Nhật Bản, ta nên chú ý nhiều hơn đến việc tuyển chọn đội ngũ công chức, nhất là công chức cấp cao với những hình thức thi tuyển nghiêm ngặt và đào tạo từng bước qua thực tiễn, đảm bảo có được một đội ngũ “governing elites” ngang tầm thời đại. Không có được đội ngũ lãnh đạo quản lý này thì mọi chiến lược của chúng ta đều khó lòng đạt được. Đừng để những cuộc thi tuyển công chức trở thành “hình thức chủ nghĩa”, không có tác dụng tích cực trong chiến lược cán bộ của đất nước ta.

3. CHỦ ĐỘNG TIẾN CÔNG VỚI MỘT “PHƯƠNG ÁN TÁC CHIẾN” KHOA HỌC, TỈ MỈ, ĐỂ GIÀNH THẮNG LỢI CAO NHẤT TRÊN “MẶT TRẬN” PHÁT TRIỂN KINH TẾ-VĂN HÓA TƯƠNG TỰ NHƯ TRÊN MẶT TRẬN QUÂN SỰ; ĐẶC BIỆT CHÚ Ý ĐẾN GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Khi làm việc với người Nhật, ta dễ dàng nhận thấy tính cẩn thận tỉ mỉ vào “bậc nhất thế giới” của họ, cũng như tác phong kỷ luật, suy nghĩ tính toán mọi điều theo “kiểu quân sự”. Phần lớn quan chức quan trọng trong chính phủ của Minh Trị là

xuất thân từ tầng lớp samurai nên phong cách “quân sự” ảnh hưởng sâu sắc đến mọi tính toán kế sách canh tân đất nước của họ. Mặc dù phong cách này có phần nào cực đoan và có lúc đã có tác động xấu (như trong thời kỳ chủ nghĩa quân phiệt Nhật thống trị), nhưng nói chung đến tận ngày nay, đây vẫn là tinh hoa văn hóa chính trị, văn hóa kinh doanh của Nhật Bản. Chính phủ Minh Trị đã gửi nhiều phái đoàn đi “thăm sát phương Tây” (“Seiyo tansaku”) một cách tỉ mỉ để đánh giá chính xác phương Tây một cách cụ thể. Trên cơ sở đó Nhật Bản đã đưa ra chiến lược “Học tập phương Tây, bắt kịp phương Tây và vượt qua phương Tây” (“Seiyo no manabi, seiyo ni oitsuki, seiyo o oinuku”)(20). Để triển khai chiến lược này, người Nhật đã thực hiện rất nhiều việc mà chủ yếu là:

- Luôn “bám sát” đối phương, đánh giá đúng “kẻ thù thương mại” và “kẻ thù trí lực”, chủ động học tập phương Tây một cách kiên trì: Từ thời Minh Trị đến nay, Nhật Bản không ngừng cử người du học, trong đó đặc biệt chú ý học tập các cường quốc. Họ xây dựng kế hoạch cụ thể, học ai cái gì (Minh Trị đã tổ chức đại học theo kiểu Mỹ, hải quân theo kiểu Anh, hiến pháp và dân luật theo kiểu Đức, còn hình luật thì lại theo kiểu Pháp,...) . Nhật Bản luôn chú ý mời chuyên gia đến Nhật để trao đổi, huấn luyện, “chuyển giao công

nghệ” cho người Nhật. Mặc dù họ có chính sách hạn chế những người lao động giản đơn đến Nhật sinh sống và làm việc, nhưng trái lại rất ưu tiên cho những chuyên gia, nhà khoa học lớn (cho đến nay Nhật là một trong những nước trả lương thực tế cho chuyên gia cao nhất thế giới).

- Cố gắng “cướp vũ khí của kẻ thù” để chiến đấu; bắt chước một cách sáng tạo để chiến thắng: Nhật Bản đã cố gắng không ngừng để nắm được lợi thế của phương Tây là công nghệ và vốn. Họ đã thực hiện rất nhiều “phương án tác chiến” khác nhau để nắm cho được công nghệ cao của phương Tây (học tập, “ăn cắp”, mua,...). Chỉ riêng thời kỳ 1951-1983, Nhật đã nhập 41.972 lần công nghệ nước ngoài, tương đương 3,8 tỷ USD (21). Sau khi bắt chước phương Tây một cách tỉ mỉ, người Nhật đã cố gắng sáng tạo ra cái mới, có thể cạnh tranh và chiến thắng phương Tây, vượt ra cả nơi đã sản sinh ra công nghệ, kỹ thuật ấy: trường hợp của ngành công nghệ máy công cụ điều khiển bằng số, công nghệ bóng bán dẫn, kỹ thuật “kiểm tra chất lượng” (22), mô hình “trang trại gia đình, hợp tác xã” trong nông nghiệp(23),... là những ví dụ điển hình . Việc bắt chước sáng tạo này được tiến hành có tổ chức chặt chẽ, xuất phát từ chính sách, từ hướng dẫn của những cơ quan có trách nhiệm của chính phủ. Trung tâm thông tin Nhật Bản

về khoa học kỹ thuật (JICST) đã nắm bắt một cách cập nhật mọi tin tức về công nghệ thế giới để phục vụ cho chính sách khoa học công nghệ của đất nước. Nhờ bí quyết này mà họ có thể vay vốn của phương Tây để rồi có thể cạnh tranh và vượt phương Tây. Trước đây, Ba Lan đã từng muốn học bài học này của Nhật để nhanh chóng phát triển công nghiệp của họ, nhưng Ba Lan chỉ thành công trong việc sản xuất lưới lam còn tất cả những ngành khác đều thất bại và vỡ nợ. Nguyên nhân chính là do Ba Lan đã không biết sáng tạo sau khi bắt chước nên sản phẩm của họ không thể cạnh tranh với phương Tây.

- *Giáo dục- khoa học, công nghệ được đặc biệt chú trọng:* Tới nay hầu như tất cả những nghiên cứu về giáo dục Nhật Bản đều công nhận tác động của giáo dục đã ảnh hưởng quyết định đến thành công của công cuộc hiện đại hóa. Từ thời Minh Trị đến nay, Nhật Bản đã nhiều lần tiến hành những cải cách giáo dục theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn, thích ứng với sự phát triển của khoa học – công nghệ và kinh tế xã hội. Tuy nhiên nét chung là Nhật Bản đã chú ý toàn diện cả giáo dục phổ thông với ba bậc học, giáo dục đại học và giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp. Từ năm 1870, Nhật Bản đã có chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc 4 năm. Đầu thế kỷ XX đã có tới 99% trẻ em đến tuổi đi học đã đến trường.

Chỉ đến thập niên những năm 1970 thì có đến 50% dân số có trình độ học vấn trung học và đại học (24). Giáo dục đại học đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của Nhật Bản. Nhật Bản phát triển cả hai hệ thống quốc lập và tư nhân, nhưng hệ thống đại học công giữ vai trò chủ yếu về mọi phương diện. Kinh nghiệm của Nhật Bản là việc đẩy mạnh hoạt động của các đại học hàng đầu với tính cách là các trung tâm đào tạo chất lượng cao. Đây là kinh nghiệm mà Nhật đã học tập một cách thành công hệ thống giáo dục đại học Mỹ. Đại học quốc gia Tokyo là đại học quốc lập đầu tiên, ra đời năm 1877. Các đại học quốc gia khác như Kyoto, Sendai, Fukuoka, Hokkaido,... đã lần lượt ra đời từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nếu như các đại học tư, các đại học nhỏ thiên về tri thức thực hành, thì các đại học hàng đầu như đại học Tokyo và Kyoto,... vẫn dành ưu tiên cho các tri thức tổng hợp, tri thức các ngành khoa học cơ bản hàng đầu. Nhiều nghiên cứu so sánh và ý kiến của các học giả thế giới thì chất lượng đào tạo của đại học Tokyo hay Viện Kỹ thuật Tokyo (TIT) chẳng thua gì Harvard hay MIT của Mỹ. Có thể nói rằng không có các đại học hàng đầu này thì sẽ không có nước Nhật hiện đại hóa như ngày nay. Các đại học Nhật Bản đã cung cấp cho sinh viên “năng lực thích ứng không bị những thay

đòi về tính chất công việc trong tương lai ảnh hưởng”(25). Hệ thống giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp phục vụ trực tiếp cho yêu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật-nghề nghiệp. Nhà nước mở các tổ chức, trường lớp huấn luyện kết hợp với các hình thức đào tạo tại doanh nghiệp và tự đào tạo của người lao động, đảm bảo nhu cầu học tập, nâng cao trình độ suốt đời. Công tác dạy nghề, huấn luyện rất bài bản tại xí nghiệp là một trong những kinh nghiệm thành công to lớn của giáo dục Nhật Bản. Ngoài việc săn lùng nhập khẩu công nghệ, nhà nước Nhật đã xây dựng hàng trăm Viện nghiên cứu về các ngành khoa học- kỹ thuật, nghiên cứu phục vụ cho các ngành công nghiệp dân dụng và mục tiêu dân dụng. Các đại học lớn theo mô hình “research university” của Mỹ, cũng đồng thời là những trung tâm nghiên cứu khoa học hàng đầu.

Là một dân tộc có nhiều truyền thống, năng lực tư duy quân sự, lại hiếu học và thông minh, chúng ta có thể học hỏi được nhiều kinh nghiệm của Nhật Bản để chuyển những ưu điểm trong chiến tranh của nhân dân ta thành ưu điểm trong công cuộc hiện đại hóa hiện nay. Phải chủ động tổ chức cả nước, cả dân tộc thành một thể

trận, một lực lượng thống nhất; có chiến lược bắt kịp thế giới (kể cả vượt qua). Tác giả bài này tin rằng không phải không còn cơ hội cho những dân tộc nhỏ, nghèo như chúng ta “đi con đường phát triển thần kỳ của Nhật Bản”. Nắm lấy công nghệ cao của thế giới, đặc biệt là công nghệ thông tin, biến đất nước thành một trong những trung tâm công nghệ cao hàng đầu của Đông Nam Á không phải là điều không thể thực hiện được trong điều kiện của toàn cầu hóa và kinh tế tri thức hiện nay. Bài học về vốn, công nghệ, giáo dục của Nhật Bản chắc chắn có nhiều điều có giá trị đối với ta.

Ba kinh nghiệm nói trên của con đường hiện đại hóa của Nhật Bản chủ yếu là những kinh nghiệm chiến lược. Để học tập hiệu quả hơn kinh nghiệm của Nhật Bản trên vấn đề này, ta cần xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước ta ngày nay, đi sâu cụ thể hơn trong từng lĩnh vực, từng ngành nghề kinh tế-văn hóa, trong từng chính sách, chủ trương, biện pháp cả chiến lược và chiến thuật, rồi qua đó phát hiện những bí quyết mới thích hợp với nước ta. Rất tiếc là hiện nay giới nghiên cứu nước ta còn chưa có nhiều công trình nghiên cứu về hướng này.

Chú thích

- (1) Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản Giao lưu văn hóa. NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2001, tr.134.
- (2) Tác giả trao đổi trực tiếp với nhiều giáo sư Nhật trong thời gian ở Nhật 1998-2000.
- (3) Islamic World and Japan. Tokyo, 1978, tr.5.
- (4) Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản Giao lưu văn hóa. NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2001, tr.159.
- (5) Tiêu Phong, Hai chủ nghĩa một trăm năm. NXB Thế giới Đương Đại (Trung Quốc), 2000, tr. 140-141. (Bản tiếng Việt)
- (6) Xem thêm D.T. Suzuki, Thiên, NXB TP.HCM, 2000.
- (7) Tác giả quan sát trực tiếp trong thời gian ở Nhật 1998-2000.
- (8) V.A. Pronnikov, I.D. Ladanov, Người Nhật. NXB Tổng Hợp Hậu Giang, 1989, tr.65. (Bản tiếng Việt)
- (9) Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản Giao lưu văn hóa. NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2001, tr.318.
- (10) Di thảo số 55.Viện Khoa học Xã hội tại TP.HCM (Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm), Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước, NXB Đà Nẵng, 2000, tr.11-12.
- (11) Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản Giao lưu văn hóa. NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2001, tr.187.
- (12) Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp Hành Trung ương khóa VII, HN, 1993, tr. 4.
- (13) Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB CTQG, HN, 2001, tr. 114.
- (14) Xem Pierre Antoine-Donnet, Nước Nhật mua cả thế giới. NXB Thông tin-Lý luận, HN, 1991, tr.29.
- (15) Xem Michaelis and Mc Keown, 20th Century Asia. NXB Mc Graw-Hill, 1969, tr. 362.
- (16), (17), (18) Vũ Dũng, “Sự giáo dục và tuyển chọn công chức cao cấp ở Nhật Bản từ thời Minh Trị đến trước chiến tranh thế giới thứ II”. Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản, số 12-1997, tr. 52, 50, 48.
- (19) Xem Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB CTQG, HN, 2001, tr. 215-219.
- (20) Xem thêm Vĩnh Sính, Việt Nam và Nhật Bản Giao lưu văn hóa. NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2001, tr. 321-323.
- (21) James C. Abegglen, George Stak: Kaisha Công ty Nhật Bản. Viện KTTG (UBKHXH VN), HN, 1988, tập II, tr. 62-63.
- (22) Xem Hoàng Xuân Long, “Bí quyết thành công trong sự bắt chước công nghệ

Nhật Bản”. Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, số2 (38), 2002, tr.15-20.

(23) Xem Nguyễn Điền, “Nông nghiệp Nhật Bản- mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cao nhất khu vực châu Á”. Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản, số 2(26)-2000, tr.3-5.

(24) V.A. Pronnikov, I.D. Ladanov, Người Nhật. NXB Tổng Hợp Hậu Giang, 1989, tr.143. (Bản tiếng Việt)

(25) A.I Sokolov, Nhật Bản . Kinh tế và giáo dục. Mockba, 1982, tr.63. V.A. Pronnikov, I.D. Ladanov, Người Nhật. NXB Tổng Hợp Hậu Giang, 1989, tr.165. (Bản tiếng Việt).

SOME EXPERIENCES OF JAPAN AND THE PROCESS OF PRESENT – DAY VIETNAM’S MODERNIZATION

Vo Van Sen

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: As a result of Meiji emperor’s excellent strategy for development, Japan’s modernization has succeeded and it has become one of economic superpowers of the present-day world. From the historical viewpoint of its modernization, this article wants to examine some typical strategic experiences that are able to contribute to the development of Vietnam. It provides analysis of three typical experiences: establishing the new model of civilization; “military” strategy and methodology for economic, cultural, scientific, educational achievements; formation of strong nation-state with excellent governing elites. It also points out some possibilities for application of these experiences in present-day Vietnam’s modernization.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vĩnh Sinh, *Việt Nam và Nhật Bản Giao lưu văn hóa*. NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2001.
- [2]. Islamic World and Japan. Tokyo, 1978, tr.5.
- [3]. Tiêu Phong, *Hai chủ nghĩa một trăm năm*, NXB Thế giới Đương Đại (Trung Quốc), 2000, tr. 140-141. (Bản tiếng Việt)
- [4]. D.T. Suzuki, *Thiền*, NXB TP.HCM, 2000.

- [5]. V.A. Pronnikov, I.D. Ladanov, *Người Nhật*, NXB Tổng Hợp Hậu Giang, 1989. (Bản tiếng Việt)
- [6]. Di thảo số 55, Viện Khoa học Xã hội tại TP.HCM (Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm), Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước, NXB Đà Nẵng, 2000, tr.11-12.
- [7]. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp Hành Trung ương khóa VII, HN, 1993, tr. 4.
- [8]. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB CTQG, HN, 2001, tr. 114.
- [9]. Pierre Antoine-Donnet, *Nước Nhật mua cả thế giới*, NXB Thông tin-Lý luận, HN, 1991, tr.29.
- [10]. Michaelis and Mc Keown, *20th Century Asia*, NXB Mc Graw-Hill, 1969, tr. 362.
- [11]. Vũ Dũng, Sự giáo dục và tuyển chọn công chức cao cấp ở Nhật Bản từ thời Minh Trị đến trước chiến tranh thế giới thứ II, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản*, số 12-1997, tr. 52, 50, 48.
- [12]. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB CTQG, HN, 2001, tr. 215-219.
- [13]. James C. Abegglen, George Stak, *Kaisha Công ty Nhật Bản*, Viện KTTG (UBKHXH VN), HN, 1988, tập II, tr. 62-63.
- [14]. Hoàng Xuân Long, Bí quyết thành công trong sự bắt chước công nghệ Nhật Bản, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 2 (38), 2002, tr.15-20.
- [15]. Nguyễn Điền, Nông nghiệp Nhật Bản- mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cao nhất khu vực châu Á, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản*, số 2(26)-2000, tr.3-5.
- A.I Sokolov, Nhật Bản, *Kinh tế và giáo dục*, Mockba, 1982, tr.63. V.A. Pronnikov, I.D.